HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 04 /2022/NQ-HĐND	*Hải Phòng, ngày 20 tháng 7 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn thành phố Hải Phòng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 28 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Xét Tờ trình số 106/TTr-UBND ngày 29/6/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Báo cáo thẩm tra số 15/BC-VHXH ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trong vòng 36 tháng, đã đăng ký thường trú hoặc tạm trú tại thành phố Hải Phòng.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo là đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

b) Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo là trẻ em dưới 16 tuổi (không phải là trẻ em mồ côi), người mắc bệnh thuộc Danh mục các loại bệnh được hỗ trợ (đính kèm) và người thuộc hộ cận nghèo là người cao tuổi cô đơn, người nhiễm HIV/AIDS, mà các đối tượng này không có nguồn thu nhập ổn định hàng tháng như tiền lương, tiền công, lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội.

c) Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo là người cao tuổi (từ đủ 60 tuổi trở lên đến 80 tuổi; không phải là người cao tuổi cô đơn) có hoàn cảnh khó khăn, già yếu, ốm đau thường xuyên nhưng chưa đủ điều kiện hưởng chính sách bảo trợ xã hội; không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội hàng tháng.

d) Người thuộc hộ nghèo sau khi được công nhận thoát nghèo, đồng thời thoát cận nghèo; người thuộc hộ cận nghèo sau khi được công nhận thoát cận nghèo.

đ) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Chính sách hỗ trợ thu nhập hàng tháng

1. Hỗ trợ thêm hàng tháng cho các đối tượng tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này (ngoài mức trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định hiện hành) để bảo đảm tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước bằng với mức thu nhập chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 do Chính phủ quy định. Cụ thể là:

a) 1.500.000 đồng/người/tháng đối với người sống tại khu vực nông thôn

b) 2.000.000 đồng/người/tháng đối với người sống tại khu vực thành thị.

2. Hỗ trợ hàng tháng cho đối tượng tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này bằng với mức thu nhập chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 do Chính phủ quy định, cụ thể là:

a) 1.500.000 đồng/người/tháng đối với người sống tại khu vực nông thôn;

b) 2.000.000 đồng/người/tháng đối với người sống tại khu vực thành thị.

3. Hỗ trợ hàng tháng cho đối tượng tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này, với mức 1.000.000 đồng/người/tháng.

4. Điều kiện hỗ trợ: Các đối tượng tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 1 tại thời điểm xét hưởng chính sách là thành viên thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo mà trong hộ không có người trong độ tuổi lao động, hoặc có người trong độ tuổi lao động nhưng đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng, hoặc trong độ tuổi lao động nhưng dưới 18 tuổi và đang học văn hóa, học nghề (kể cả học sinh đang học tại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên), hoặc trong độ tuổi lao động nhưng bị bệnh/chấn thương nặng đang chữa bệnh chưa có khả năng làm việc tạo ra thu nhập.

5. Thời gian hỗ trợ: Từ khi Nghị quyết có hiệu lực đến hết năm 2025

Điều 3. Chính sách hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế

Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng tại điểm d khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này. Thời gian hỗ trợ 36 tháng kể từ tháng được cơ quan có thẩm quyền công nhận thoát nghèo, thoát cận nghèo.

Trường hợp đối tượng tại điểm d khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này thuộc diện được cấp nhiều loại thẻ bảo hiểm y tế thì chỉ được cấp một thẻ bảo hiểm y tế có quyền lợi cao nhất.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Do ngân sách thành phố bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết; hàng năm thực hiện rà soát các đối tượng được hỗ trợ bảo đảm chính xác, dân chủ, công khai, minh bạch; xây dựng cơ chế giám sát, kiểm soát kinh phí hỗ trợ, đối tượng được hỗ trợ đảm bảo đúng quy định, không để xảy ra sai phạm, thất thoát; thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về tình hình thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố tuyên truyền, vận động tạo sự đồng thuận của Nhân dân và giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVI, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2022./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ QH, Chính phủ;
- VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Vụ Pháp chế (Bộ TC)
- Vụ Pháp chế (Bộ LĐTBXH)
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT TU, TT HĐND, UBND TP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- Các Ban HĐND TP;
- Đại biểu HĐND TP khóa XVI;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Các quận ủy, huyện ủy;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện;
- Công báo HP; Cổng TTĐTTP;
- Báo HP, Đài PT và THHP;
- Các CV VP Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Phạm Văn Lập

DANH MỤC CÁC LOẠI BỆNH ĐƯỢC HỖ TRỢ

(Kèm theo Nghị quyết số 04/2022/NQ- HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng)

1. Liệt hoặc mất hai chi.

2. Ghép tủy.

3. Mù hai mắt.

4. Chấn thương sọ não nặng.

5. Bệnh lao phổi tiến triển.

6. Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn.

7. Ung thư.

8. Suy thận mãn phải chạy thận nhân tạo.

9. Xơ gan giai đoạn mất bù.

10. Suy tim độ 4.

(Tổng cộng 10 bệnh)